

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54 và 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 607/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Tấn H; sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối phố Mỹ Th Tr, phường Tân Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (hiện đang trú tại: Thôn A, xã B H, Pleiku, Gia Lai)

2. Chị Phan Thị L; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã B H, Pleiku, Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án đã tiến hành hòa giải để anh Nguyễn Tấn H và chị Phan Thị L đoàn tụ, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc, nhưng không thành. Anh H và chị L đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, họ đã không còn yêu thương, chăm sóc và quý trọng nhau trong một khoảng thời gian dài. Vì vậy, chị L và anh H đã thỏa thuận thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc nuôi con chung: Anh Nguyễn Tấn H và chị Phan Thị L không có con chung, không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Tấn H và chị Phan Thị L tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án công nhận theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm b khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Tấn H và chị Phan Thị L thỏa thuận anh H chịu toàn bộ tiền lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn H và chị Phan Thị L đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, anh chị thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về việc nuôi con chung: Anh Nguyễn Tấn H và chị Phan Thị L chưa có con chung, không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Tấn H và chị Phan Thị L tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án công nhận.

- Về lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Anh Nguyễn Tấn H và chị Phan Thị L thỏa thuận anh H chịu toàn bộ tiền lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà anh H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005479 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Anh H đã nộp đủ tiền lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan THADS cùng cấp;
- UBND xã BH, Pleiku, Gia Lai;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lưu Anh Tuấn

